

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình tu sửa hư hỏng kè Tân Bình đoạn từ K22+235 đến K22+490 đê tả sông Chu, xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa**

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 3715/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân công thẩm định dự án và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí để khắc phục hậu quả thiên tai cho một số địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh năm 2021;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 214/TTr-SNN&PTNT ngày 12/10/2021, kèm theo thông báo kết quả thẩm định số 4518/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 05/10/2021 và Chi cục Thủy lợi tại Tờ trình số 1000/TTr-CCTL ngày 24/9/2021 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình tu sửa hư hỏng kè Tân Bình đoạn từ K22+235 đến K22+490 đê tả sông Chu, xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình tu sửa hư hỏng kè Tân Bình đoạn từ K22+235 đến K22+490 đê tả sông Chu, xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa, với những nội dung chính sau:

**1. Tên công trình:** Tu sửa hư hỏng kè Tân Bình đoạn từ K22+235 đến K22+490 đê tả sông Chu, xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa.

**2. Tên chủ đầu tư:** Chi cục Thủy lợi.

**3. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:** Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và Xây dựng Đại Thanh.

**4. Mục tiêu đầu tư:** Đảm bảo an toàn cho công trình, chủ động ứng phó với mưa lũ trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

**5. Quy mô đầu tư và các thông số thiết kế chủ yếu:**

5.1. Quy mô đầu tư:

- Tần suất mực nước kiệt thiết kế kè:  $P = 95\%$ .
- Tần suất đảm bảo phòng, chống lũ:  $P = 0,6\%$ .
- Hệ số ổn định cho phép:  $[K] \geq 1,2$ .

5.2. Các thông số thiết kế chủ yếu:

TT	Thông số	Đơn vị	Trị số
1	Chiều dài tuyến kè thiết kế	m	109,5
2	Cao trình đỉnh đồng đá thiết kế	m	+2.40
3	Chiều rộng đỉnh đồng đá chân kè (phần mở rộng)	m	3
4	Hệ số mái chân kè		1,5

**6. Nội dung đầu tư và giải pháp kỹ thuật chủ yếu:**

6.1. Nội dung đầu tư: Tu sửa đồng đá chân kè đoạn từ K22+250,5- K22+360 trên tuyến kè hiện có, với chiều dài  $L = 109,5$  m.

6.2. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

a) Tuyến chân kè:

- Vị trí, hướng tuyến: Theo hướng tuyến kè Tân Bình hiện tại.
- Trên cơ sở hiện trạng giữ nguyên gia cố đỉnh và mái kè; mở rộng đồng đá chân kè bằng đá hộc thả rời; mặt và mái đồng đá chân kè (phần mở rộng) được chêm chèn chặt bằng đá lát khan dày 30 cm từ cao trình (+2.40) m xuống cao trình (+1.90) m.

b) Dốc lên xuống phục vụ thi công: Thân dốc bằng đá hộc, chiều rộng mặt  $B = 4$  bằng cấp phối đá dăm loại 2 đầm lên chặt dày 20 cm. Đá hộc làm dốc được thanh thải tận dụng để hoàn thiện tuyến kè.

**7. Loại, cấp công trình:** Công trình đê điều, cấp IV.

**8. Địa điểm xây dựng:** Xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa.

**9. Diện tích sử dụng đất:** Công trình sửa chữa trên hiện trạng công trình hiện có nên không có diện tích sử dụng đất.

**10. Tổng mức đầu tư: 800,0 triệu đồng;**

*Trong đó:*

Chi phí xây dựng:	683,1 triệu đồng;
Chi phí quản lý dự án:	15,5 triệu đồng;
Chi phí tư vấn ĐTXD:	88,6 triệu đồng;
Chi phí khác:	11,7 triệu đồng;
Chi phí dự phòng:	1,1 triệu đồng.

*(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)*

**11. Nguồn vốn đầu tư:** Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh (theo Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh).

**12. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án.

**13. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2021-2022.

**Điều 2.** Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa; Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Giang**

## PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Công trình tu sửa hư hỏng kè Tân Bình đoạn từ K22+235 đến K22+490 đê tả sông Chu,  
xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi phí	Cách tính	Tổng mức đầu tư
<b>1</b>	<b>Chi phí xây dựng (Gxd)</b>		<b>683,1</b>
	Xây lát kè		683,078
<b>2</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	$3,108\% \times 0,8 \times \text{Gxd}/1,1$	<b>15,5</b>
<b>3</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>		<b>88,6</b>
3.1	Chi phí khảo sát địa hình	Quyết định số 832/QĐ-CCTL ngày 19/8/2021 của Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi	28,083
3.2	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật		41,664
3.3	Chi phí giám sát khảo sát xây dựng		1,144
3.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	$2,598\% \times \text{Gxd}$	17,746
<b>4</b>	<b>Chi phí khác</b>		<b>11,7</b>
4.1	Chi phí bảo hiểm công trình (công trình đê điều)	$1,04\% \times \text{Gxd}$	7,104
4.2	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	$0,019\% \times \text{TMĐT} \times 0,5$	0,076
4.3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	$0,57\% \times (\text{TMĐT} - \text{Dự phòng})$	4,554
<b>5</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>		<b>1,1</b>
5.1	Dự phòng cho yếu tố phát sinh khối lượng		1,101
	<b>Tổng cộng (làm tròn)</b>		<b>800,0</b>